

Số: 04/TB-BQLDA&PTQĐ

Mường Ảng, ngày 09 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính Phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất theo quy định của Luật đất đai.

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản; Nghị định số 47/2023/NĐ-CP ngày 03/07/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản; Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định 102/2024/ND-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 103/2024/ND-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 71/2024/ND-CP ngày 27/06/2024 quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 109/2026/NĐ-CP ngày 01/04/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bộ trợ Tư pháp, HCTP, Hôn nhân và Gia đình, Thi hành án dân sự, Phục hồi, phá sản doanh nghiệp, HTX;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 20/01/2025 hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá; tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định khung Giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định bảng giá đất và việc áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 22/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Điện Biên quy định phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành quy định chi tiết một số nội dung về hạn mức giao đất; hạn

mức công nhận đất ở; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp; điều kiện, diện tích tối thiểu tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 05/5/2026 của UBND tỉnh Điện Biên Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND, Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 21/2026/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND tỉnh Điện Biên Quy định hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 22/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Điện Biên quy định phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Thông báo số 224-TB/ĐU ngày 18/03/2026 của Ban thường vụ Đảng ủy xã về chủ trương đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn xã năm 2026.

Căn cứ Trích đo bản đồ địa chính số 12026 phục vụ đo đạc bản đồ, cắm mốc chia lô phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất của Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ đất đai HC được Phòng Kinh tế xã Mường Ảng phê duyệt ngày 06/6/2026;

Căn cứ Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 22/4/2026 của UBND xã Mường Ảng về việc Đấu giá quyền sử dụng đất năm 2026 trên địa bàn xã Mường Ảng;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 08/6/2026 của UBND xã Mường Ảng về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất, để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 11 thửa đất thuộc khu đất LK6, LK6.1, LK6.2 xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND xã Mường Ảng về việc Phê duyệt giá khởi điểm và bước giá để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 11 thửa đất thuộc khu đất LK6, LK6.1, LK6.2 xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND xã Mường Ảng về việc Đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 11 thửa đất thuộc khu đất LK6, LK6.1, LK6.2 xã Mường Ảng tỉnh Điện Biên.

Ban QLDA và PTQĐ xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thông báo về việc lựa chọn Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Thông tin của người có tài sản đấu giá

Tên đơn vị: Ban QLDA và PTQĐ xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên

Địa chỉ: Bản Hón, xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên

Số điện thoại: 02153 856 077

Mã số thuế: 5600358935

Đại diện: ông Nguyễn Đăng Thắng - Chức vụ: Phó Giám đốc

2. Tên tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất đối với 11 thửa đất thuộc khu đất LK6, LK6.1, LK6.2 xã Mường Ảng tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

Chi tiết thửa đất				Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/thửa)	Bước giá tối thiểu (đồng)	Vị trí (tiếp giáp mặt đường)
Số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)	Khu đất				
12	ONT	109,3	LK6	5.775.000	631.207.500	50.000.000	Tiếp giáp đường nhựa từ nhà bà Chu Thị Hoài đến cầu bê tông đường 27m và đường 11,5m khu tái định cư thị trấn Mường Ảng (giai đoạn 1)
13	ONT	98,0	LK6.1	5.020.000	491.960.000	50.000.000	Tiếp giáp đường 11,5m khu tái định cư thị trấn Mường Ảng (giai đoạn 1)
14	ONT	98,0	LK6.1	5.020.000	491.960.000	50.000.000	Tiếp giáp đường 11,5m khu tái định cư thị trấn Mường Ảng (giai đoạn 1)
15	ONT	98,9	LK6.1	5.775.000	571.147.500	50.000.000	Tiếp giáp đường nhựa từ nhà bà Chu Thị Hoài đến cầu bê tông đường 27m và đường 11,5m khu tái định cư thị trấn Mường Ảng (giai đoạn 1)
16	ONT	104,7	LK6.1	5.500.000	575.850.000	50.000.000	Tiếp giáp đường nhựa từ nhà bà Chu Thị Hoài đến tiếp giáp đường 27m
17	ONT	100,4	LK6.1	5.500.000	552.200.000	50.000.000	Tiếp giáp đường nhựa từ nhà bà Chu Thị Hoài đến tiếp giáp đường 27m

Chi tiết thửa đất				Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/thửa)	Bước giá tối thiểu (đồng)	Vị trí (tiếp giáp mặt đường)
Số thửa	Loại đất	Diện tích (m ²)	Khu đất				
18	ONT	103,0	LK6.1	5.775.000	594.825.000	50.000.000	Tiếp giáp đường nhựa từ nhà bà Chu Thị Hoài đến cầu bê tông đường 27m và đường 11,5m khu tái định cư thị trấn Mường Ảng (giai đoạn 1)
19	ONT	98,0	LK6.2	5.020.000	491.960.000	50.000.000	Tiếp giáp đường 11,5m khu tái định cư thị trấn Mường Ảng (giai đoạn 1)
20	ONT	96,3	LK6.2	5.775.000	556.132.500	50.000.000	Tiếp giáp đường nhựa từ nhà bà Chu Thị Hoài đến cầu bê tông đường 27m và đường 11,5m khu tái định cư thị trấn Mường Ảng (giai đoạn 1)
21	ONT	95,2	LK6.2	5.500.000	523.600.000	50.000.000	Tiếp giáp đường nhựa từ nhà bà Chu Thị Hoài đến tiếp giáp đường 27m
22	ONT	95,6	LK6.2	5.775.000	552.090.000	50.000.000	Tiếp giáp đường nhựa từ nhà bà Chu Thị Hoài đến cầu bê tông đường 27m và đường 11,5m khu tái định cư thị trấn Mường Ảng (giai đoạn 1)
Tổng		1.097,4			6.032.932.500		

2. Tổng giá khởi điểm tài sản đấu giá, bước giá:

- Tổng giá khởi điểm: **6.032.932.500 đồng** (Bằng chữ: Sáu tỷ không trăm ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với tài sản trên.
- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả

- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.
- Mức thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá hợp lý.
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
- Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

(Có bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản kèm theo)

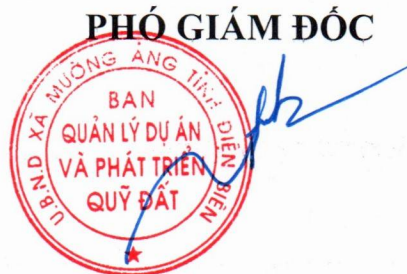
4. Thời gian, địa điểm, hình thức nộp hồ sơ đăng ký thực hiện tổ chức đấu giá tài sản:

- Thời gian: Trong thời hạn 04 ngày làm việc tính từ ngày thông báo (nộp trong giờ hành chính, ngày làm việc)
- Địa điểm: Ban QLDA và PTQĐ xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên
Địa chỉ: Bản Hón, xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên
- Điện thoại liên hệ: 02153 856 077
- Hình thức: Nộp trực tiếp *(không nhận hồ sơ qua đường bưu điện)*. Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.

Ban QLDA và PTQĐ xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thông báo để các Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết và đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- Đăng tải Cổng đấu giá tài sản quốc gia (<https://dgts.moj.gov.vn>);
- Trang thông tin điện tử của xã Mường Ảng.
- Niêm yết theo quy định;
- Lưu VT:



Nguyễn Đăng Thắng

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

*(Kèm theo Thông báo số. ~~04~~/TB-BQLDA&PTQĐ ngày 09/6/2026 của Ban
QLDA và PTQĐ xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên)*

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0

1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài	7,0

	liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: $Số\ điểm\ của\ C = (V \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0

6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản (đấu	2,0

	giá thành từ 10 Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trở lên trên địa bàn tỉnh Điện Biên)	
2.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá đóng trên địa bàn tỉnh Điện Biên	4,0
4.	Tiêu chí khác: Tổ chức đấu giá tài sản nộp các loại thuế trên địa bàn tỉnh Điện Biên	2,0
Tổng số điểm		100

Ghi chú:

1. Tiêu chí đánh giá chấm điểm tại Phụ lục này không bao gồm tài sản đấu giá là biển số xe theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức tự nguyện đấu giá.

2. Cuộc đấu giá thành quy định tại mục 1, mục 2, mục 3 và mục 4 phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá có ít nhất một tài sản đấu giá thành. Cuộc đấu giá không thành quy định tại mục 1 Phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá không có tài sản nào đấu giá thành và thuộc trường hợp quy định tại Điều 52 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 33 và điểm q khoản 45 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản.

3. Năm trước liền kề tại mục 4 phần II, mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 và mục 9 phần IV Phụ lục này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

4. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/01 đến ngày 31/3 hàng năm thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước của năm liền kề. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/4 hàng năm trở đi thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước liền kề.

5. Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

6. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.